

Bản án số: 385/2018/DS-ST

Ngày: 23 - 8 -2018

V/v “tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyện – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 276/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ trụ sở: Số L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng 9, Số A đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tầng 2 số H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 6016/2018/UQ-VPB ngày 28/3/2018) – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Thảo E, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Số B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký tạm trú: Số A đường H, tổ M, Khu phố B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, trong quá trình giải quyết (có ông Châu Văn H là người đại diện theo ủy quyền) và xét xử vụ án (có bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngân hàng T (viết tắt là nguyên đơn) có ký kết với ông Nguyễn Văn Thảo E (viết tắt là bị đơn) hai thỏa thuận:

- Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và đồng ý với bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ với nội dung: Mục đích tiêu dùng cá nhân, hạn mức đề nghị là 18.000.000đ, tính lãi theo từng thời kỳ theo quy định của nguyên đơn. Nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay số tiền là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và mở thẻ vào ngày 20/7/2015. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn vào ngày 24/8/2015.

- Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015 và đồng ý với bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ với nội dung: Mục đích tiêu dùng cá nhân, hạn mức đề nghị tối đa là 99.000.000đ, thời hạn vay tối đa là 48 tháng, lãi suất vay tối đa là 30%, trả gốc và lãi hàng tháng. Nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay số tiền là 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 30%/năm; trả gốc và lãi hàng tháng và giải ngân khoản vay vào ngày 25/7/2015. Trong quá trình vay, bị đơn không trả cho nguyên đơn khoản tiền nào.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Khoản 3 Điều 5 Mục B Bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ của nguyên đơn nên nguyên đơn đã thu hồi nợ trước hạn.

Tính đến ngày 23/8/2018, bị đơn còn nợ các khoản sau:

- Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015: Nợ gốc: 15.000.000 đồng; Lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 21.807.750 đồng;

- Đối với Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015: Nợ gốc: 46.000.000 đồng; Lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 64.055.000 đồng;

- Vậy tổng cộng số tiền vốn và lãi của hai khoản vay là 146.862.750 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán một lần và toàn bộ số nợ nói trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 24/8/2018, bị đơn còn phải thanh toán đầy đủ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc

tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015 thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ kết quả trả lời của Công an xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tại Phiếu yêu cầu xác minh số 69/2018/PYCXM ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Ông Nguyễn Văn Thảo E, sinh năm 1993 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay không có mặt tại địa phương từ năm 2012 đến nay”.

Căn cứ kết quả trả lời của Công an phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Phiếu yêu cầu xác minh số 16/TAQ7 ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Ông Nguyễn Văn Thảo E, sinh năm 1993. Trước đây có đăng ký tạm trú tại số A đường H, tổ M, Khu phố B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, nhưng đến tháng 08/2016 bỏ đi không còn tạm trú tại địa chỉ trên (không rõ đi đâu).

Căn cứ vào tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ

vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015 thì bị đơn khai có hộ khẩu thường trú: Số B ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và nơi đăng ký tạm trú: Số số A đường H, tổ M, Khu phố B, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 1 Mục E của bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ thì việc thay đổi địa chỉ giao dịch trong các thỏa thuận phải thông báo cho nhau bằng văn bản.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng về nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú mới, căn cứ vào Điều e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn hiện cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi và thuộc trường hợp đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ Khoản 4 Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự ý tước bỏ các quyền tự chứng minh, trình bày ý kiến của mình và chịu hậu quả của việc không chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 146.862.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

- Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015: Nợ gốc: 15.000.000 đồng; Lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 21.807.750 đồng;

- Đối với Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015: Nợ gốc: 46.000.000 đồng; Lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 64.055.000 đồng;

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 24/8/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015.

Căn cứ theo các quy định và các văn bản hai bên đã ký kết, xét thấy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền gốc là 46.000.000đ và 15.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán được số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Mục B Bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của hai bên và phù hợp với Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 146.862.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/8/2018 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 146.862.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/8/2018 được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 7.343.138 (Bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám) đồng.

Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Thảo E.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn Thảo E phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu là 146.862.750 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu mươi sáu triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 23/8/2018 là 85.862.750 đồng (Bằng chữ: tám mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng); trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2018, ông Nguyễn Văn Thảo E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 01/7/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 01/7/2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Thảo E phải chịu 7.343.138 (Bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.120.938 (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn chín trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024447 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014

2.4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Thảo E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Luyện).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh